

Số: 2418/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 04 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2021.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ mười một phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (Văn bản số 2376/STC-QLNS ngày 29/9/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2021 theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh)



Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN	14.640.384	15.614.475	106,7	107,1
A	TỔNG THU NSDP	12.196.474	13.110.843	107,5	98,8
I	Thu NSNN trên địa bàn	7.909.900	8.121.043	102,7	151,9
1	Thu nội địa	6.809.900	6.772.275	99,4	149,7
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.100.000	1.348.768	122,6	164,5
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyên nguồn từ năm trước chuyển sang		2.053.650		
III	Trợ cấp NSTW	6.730.484	5.310.197	78,9	87,5
IV	Thu kết dư ngân sách		16.721		
V	Tạm thu ngân sách huyện, xã		9.708		
VI	Thu từ các khoản cho vay của NN		100		
VII	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		83.355		
VIII	Tạm vay NSNN		1.455		
IX	Các khoản ghi thu trên địa bàn		18.246		
B	TỔNG CHI NSDP	12.205.674	9.870.898	80,9	99,7
I	Chi cân đối NSDP	12.201.074	9.453.627	77,5	100,7
1	Chi đầu tư phát triển	3.256.343	3.505.143	107,6	102,7
2	Chi thường xuyên	8.725.351	5.864.864	67,2	98,6
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	9.300	264		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
5	Chi nộp ngân sách cấp trên		83.356		
6	Dự phòng ngân sách	208.630			
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		18.246		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	4.600			
D	CHI TRẢ NỢ GÓC				
E	CHI TẠM ỨNG		399.025		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	7.909.900	8.121.043	102,7	151,9
I	Thu nội địa	6.809.900	6.772.275	99,4	149,7
1	Thu từ khu vực DNNN	591.000	411.420	69,6	88,3
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	73.000	100.639	137,9	152,5
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.550.000	1.162.927	75,0	101,9
4	Thuế thu nhập cá nhân	220.000	217.866	99,0	101,1
5	Thuế bảo vệ môi trường	2.000.000	1.714.845	85,7	272,0
6	Lệ phí trước bạ	325.000	259.000	79,7	126,2
7	Thu phí, lệ phí	86.300	85.797	99,4	138,4
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.799.000	2.597.779	144,4	171,7
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	21		190,9
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.000	11.278	80,6	90,1
-	Thu tiền sử dụng đất	1.650.000	2.477.223	150,1	174,5
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	135.000	109.257	80,9	135,6
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-			
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	22.000	21.187	96,3	59,0
10	Thu lợi nhuận còn lại	6.600	7.928		121,1
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	44.000	44.159	100,4	124,6
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	18.000	33.735	187,4	152,0
13	Thu khác ngân sách	75.000	114.993	153,3	91,0
14	Thu từ các khoản cho vay của ngân sách	-	-		
II	Thu từ dầu thô	-	-		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.100.000	1.348.768	122,6	164,5
IV	Thu viện trợ	-	-		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	5.465.300	5.617.410	102,8	138,1
1	Từ các khoản thu phân chia	2.689.900	2.041.531		
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.775.400	3.575.879		

ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH THÁI BÌNH

Biểu số 61/CK-NSNN



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	12.201.074	9.870.898	80,9	99,7
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	12.199.624	9.453.627	77,5	100,7
I	Chi đầu tư phát triển	3.256.343	3.505.143	107,6	102,7
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.256.343	3.505.143	107,6	102,7
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN hoạt động công ích				
II	Chi thường xuyên	8.725.351	5.864.864	67,2	98,6
1	Chi ANQP	261.532	243.382	93,1	115,9
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	3.347.737	2.316.633	69,2	105,9
3	Chi sự nghiệp y tế, DS KHH GD	740.483	549.096	74,2	105,0
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	32.966	18.462	56,0	90,6
5	Chi sự nghiệp văn hóa TT.TT & DL	148.092	88.604	59,8	121,6
6	Chi SN phát thanh truyền hình	50.900	33.246	65,3	84,9
7	Chi đảm bảo xã hội	1.088.088	779.488	71,6	106,6
8	Chi sự nghiệp kinh tế	864.769	453.742	52,5	63,1
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>-Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi</i>	<i>54.553</i>	<i>52.145</i>	<i>95,6</i>	
	<i>-SN kinh tế khác</i>	<i>350.197</i>	<i>119.756</i>	<i>34,2</i>	<i>105,6</i>
9	Chi sự nghiệp Tài nguyên và môi trường	309.107	126.637	41,0	100,0
10	Chi quản lý hành chính	1.694.370	1.215.946	71,8	101,9
11	Chi trợ giá	15.500	10.000	64,5	118,2
12	Chi khác ngân sách	169.376	29.628	17,5	25,6
13	Vốn ngoài nước				
14	10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL	2.431			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	9.300	264		
IV	Dự phòng ngân sách	208.630			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
V	Chi nộp ngân sách cấp trên		83.356		
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA				
C	CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN		18.246		
D	CHI TẠM ỨNG		399.025		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2021**

1. Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN.

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) 9 tháng ước thực hiện 15.614,4 tỷ đồng, đạt 106,7% dự toán năm, bằng 107,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) 9 tháng ước thực hiện 13.110,8 tỷ đồng, đạt 107,5% dự toán năm, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2020 (*loại trừ thu chuyển nguồn, thu kết dư thì tổng thu NSDP đạt 90,5% dự toán năm*).

Thực hiện thu ngân sách ở một số lĩnh vực như sau:

- Thu nội địa: 9 tháng ước thực hiện 6.772,2 tỷ đồng, đạt 99,4% dự toán năm, bằng 149,7% cùng kỳ năm 2020, chiếm tỷ trọng 51,6% tổng số thu NSDP; cụ thể:

+ Thu nội địa từ thuế, phí, lệ phí các cấp NSDP được hưởng (trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, ghi thu - ghi chi, thu đền bù giải phóng mặt bằng) 9 tháng ước thực hiện 3.031,5 tỷ đồng, đạt 81,1% dự toán năm.

+ Thu tiền sử dụng đất: 9 tháng ước thực hiện 2.477,2 tỷ đồng, đạt 150,1% dự toán năm, tăng 74,5% so với cùng kỳ năm 2020.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 9 tháng ước thực hiện 5.310,1 tỷ đồng, đạt 78,9% dự toán năm. Trong đó: Bổ sung cân đối ngân sách 4.256 tỷ đồng; Bổ sung có mục tiêu 1.054,2 tỷ đồng.

- Thu thuế xuất, nhập khẩu: 9 tháng ước thực hiện 1.348,7 tỷ đồng, đạt 122,6% dự toán năm, bằng 164,5% so với cùng kỳ năm 2020.

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Tổng chi NSDP 9 tháng ước thực hiện 9.870,8 tỷ đồng, đạt 80,9% dự toán năm, bằng 99,7% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển: ước thực hiện 3.505,1 tỷ đồng, đạt 107,6% dự toán năm, bằng 102,7% so với cùng kỳ năm 2020.

2.2. Chi tiêu dùng thường xuyên: ước thực hiện 5.864,8 tỷ đồng, đạt 67,2% dự toán giao, bằng 98,6% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể:

Sự nghiệp khoa học công nghệ ước thực hiện 18,4 tỷ đồng, đạt 56% dự toán năm; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 2.316,6 tỷ đồng, đạt 69,2% dự toán năm, bằng 105,9% so với cùng kỳ; chi sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch ước thực hiện 88,6 tỷ đồng, đạt 59,8% dự toán năm, bằng 121,6% so với cùng kỳ; sự nghiệp y tế, dân số KHHGD ước thực hiện 549 tỷ đồng, đạt 74,2% dự toán năm, bằng 105% so với cùng kỳ; chi đảm bảo xã hội ước thực hiện 779,4 tỷ đồng, đạt 71,6% dự toán, bằng 106,6% so với cùng kỳ; chi quản lý hành chính ước thực hiện 1.215,9 tỷ đồng, đạt 71,8% dự toán năm, bằng 101,9% so với cùng kỳ; chi an ninh quốc phòng ước thực hiện 243,3 tỷ đồng, đạt 93,1% dự toán năm, bằng 115,9% so với cùng kỳ năm 2020./.